

**Xy lanh chặn**  
**DFSP-32-20-PF-PA**  
Số bộ phận: 576112

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                       | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                     | 20 mm                                                         |
| Ø pít tông                                     | 32 mm                                                         |
| Ren thanh pít tông                             | M6                                                            |
| Đệm                                            | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                       |
| Vị trí lắp đặt                                 | bất kì                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                            | tác động đơn lẻ<br>kéo                                        |
| Cấu trúc xây dựng                              | Pít tông<br>Cần piston<br>Ổng định hình                       |
| Phát hiện vị trí                               | cho các công tắc gần                                          |
| Đầu thanh piston                               | Ren trong                                                     |
| Các biến thể                                   | Ren trong trên thanh piston                                   |
| Bảo vệ chống xoay/dẫn hướng                    | ty pít tông tròn                                              |
| Áp suất vận hành                               | 0.12 MPA...1 MPA<br>1.2 bar...10 bar                          |
| Môi chất vận hành                              | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển          | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                           | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                  | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Loại phòng sạch                                | Loại 6 theo ISO 14644-1                                       |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                 | -10 °C...80 °C                                                |
| Lực tác động cho phép lên thanh piston mở rộng | 3270 N                                                        |
| Lực bên cho phép trong quá trình chuyển mạch   | 595 N                                                         |
| Tần số nhíp tối đa                             | 5 Hz                                                          |
| Kiểu gắn                                       | với lỗ xuyên<br>với ren trong<br>với phụ kiện<br>tùy ý:       |
| Cổng nối khí nén                               | G1/8                                                          |
| Ghi chú vật liệu                               | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vít cố vật liệu                                | Thép mạ kẽm                                                   |
| Vật liệu phủ                                   | Hợp kim nhôm rèn<br>anốt hóa                                  |

| Đặc tính              | Giá trị                            |
|-----------------------|------------------------------------|
| Vật liệu của phốt     | TPE-U (PU)                         |
| Vật liệu thanh piston | thép không gỉ hợp kim cao          |
| Vật liệu con lăn      | Thép mạ kẽm                        |
| Vật liệu vỏ xy lanh   | Hợp kim nhôm rèn<br>anốt hóa trượt |